TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2025/QĐST-VLĐ	*Tân Uyên, ngày 27 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc Lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân thành phố T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 31/2025/TLST-VLĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 31/2025/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Neáng T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; có đơn xin giải quyết vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Neáng D, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; có đơn xin giải quyết vắng mặt

- Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt

- Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Neáng T trình bày:

Bà Neáng T làm việc tại Công ty TNHH T2; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian làm việc, bà Neáng T có tham gia BHXH theo số sổ 7411304233. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014, bà Neáng T1 cho em ruột là N Dốs mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ và tham gia bảo hiểm xã hội. Do đó BHXH theo số sổ 7411304233 của bà Neáng T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội giữa Công ty cổ phần Đ với Công ty TNHH T2.

Hiện nay, bà Neáng T làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội nhưng Bảo hiểm xã hội thành phố T từ chối vì lý do có thời gian tham gia bảo hiểm trùng. Cụ thể số sổ BHXH 7411304233 của bà Neáng T1 có thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014 bị trùng giữa Công ty TNHH T2 với Công ty cổ phần Đ.

Do đó, bà Neáng T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Neáng T với Công ty cổ phần Đ vô hiệu toàn bộ do giả tạo, không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Bà Neáng D trình bày: Neáng Dốs và Neáng T là chị em ruột. Trước đây, do chưa đủ tuổi lao động nên bà Neáng D mượn chứng minh nhân dân của bà Neáng T ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014 thì nghỉ việc. Nay, Neáng D thống nhất toàn bộ yêu cầu của Neáng T và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Neáng T và Công ty cổ phần Đ (Thời gian làm việc từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014) bị vô hiệu. Bà Neáng T không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến bà trong việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của bà Neáng T, sinh năm 1985, số CCCD 089185012790 được Công ty cổ phần Đ tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN), với mã số BHXH 7411304233 từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014. Đã hưởng BHXH một lần theo Quyết định số 031503015 ngày 16/6/2015, đã hưởng trợ cấp BHTN theo Quyết định số 45211 ngày 12/8/2014 đã hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản số tiền 18.993.105 đồng. Về các yêu cầu của bà Neáng T, Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương không có ý kiến, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần Đ trình bày:

Công ty cổ phần Đ đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty cổ phần Đ với bà Neáng T từ tháng 12/2011 đến tháng 05/2014 vô hiệu (Do bà Neáng D mượn chứng minh nhân dân của bà Neáng T để ký kết hợp đồng lao động).

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neáng T và Công ty cổ phần Đ (Thời gian làm việc từ tháng

12/2011 đến tháng 5/2014) bị vô hiệu của người yêu cầu bà Neáng T là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng*:* Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nói trên theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất:

Bà Neáng T, sinh năm 1985, số CCCD 089185012790 được Công ty cổ phần Đ tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN), với mã số BHXH 7411304233 từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014. Đã hưởng BHXH một lần theo Quyết định số 031503015 ngày 16/6/2015, đã hưởng trợ cấp BHTN theo Quyết định số 45211 ngày 12/8/2014 đã hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản số tiền 18.993.105 đồng. Quan hệ lao động giữa Công ty cổ phần Đ và bà Neáng T phát sinh từ hợp đồng lao động từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014. Tuy nhiên, bà Neáng T và bà Neáng D thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ và thực tế làm việc tại công ty là bà Neáng D chứ không phải bà Neáng Thai . Do bà Neáng D làm mất chứng minh nhân dân nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Neáng T để đi làm việc. Trình bày của bà Neáng T và bà Neáng D phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014 bà Neáng T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần Đ và Công ty TNHH T2.

[2.2] Xét thấy, việc bà Neáng D sử dụng căn cước công dân của bà Neáng T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố T đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Neáng D bị trùng từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014. Do đó, bà Neáng T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty cổ phần Đ với bà Neáng T từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực

pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Neáng T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Neáng Thai .

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neáng T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang với Công ty cổ phần Đ trong thời gian làm việc từ tháng 12/2011 đến tháng 5/2014 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Neáng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0005057 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Thị Mỹ Trúc